

Bản tin Phân tích kỹ thuật

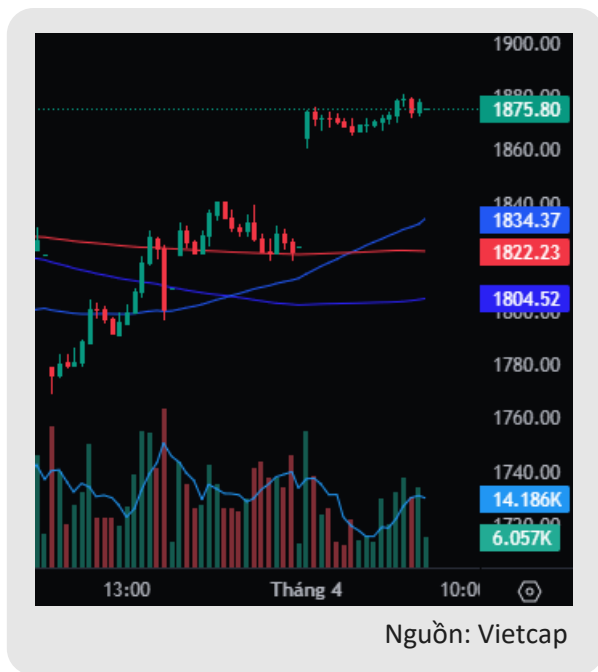
01/04/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G4000 diễn biến đi ngang sau khi mở cửa tăng mạnh. Cuối ngày, hợp đồng đóng cửa dưới đường MA5, quán tính giảm có phần lấn át. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán với mục tiêu tại 1.868 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.881 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.877 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.868 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.881 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Trung tính
VN30	Trung tính	Trung tính
VNMid	Trung tính	Tiêu cực
VNSmall	Trung tính	Tiêu cực
HNX	Trung tính	Tiêu cực

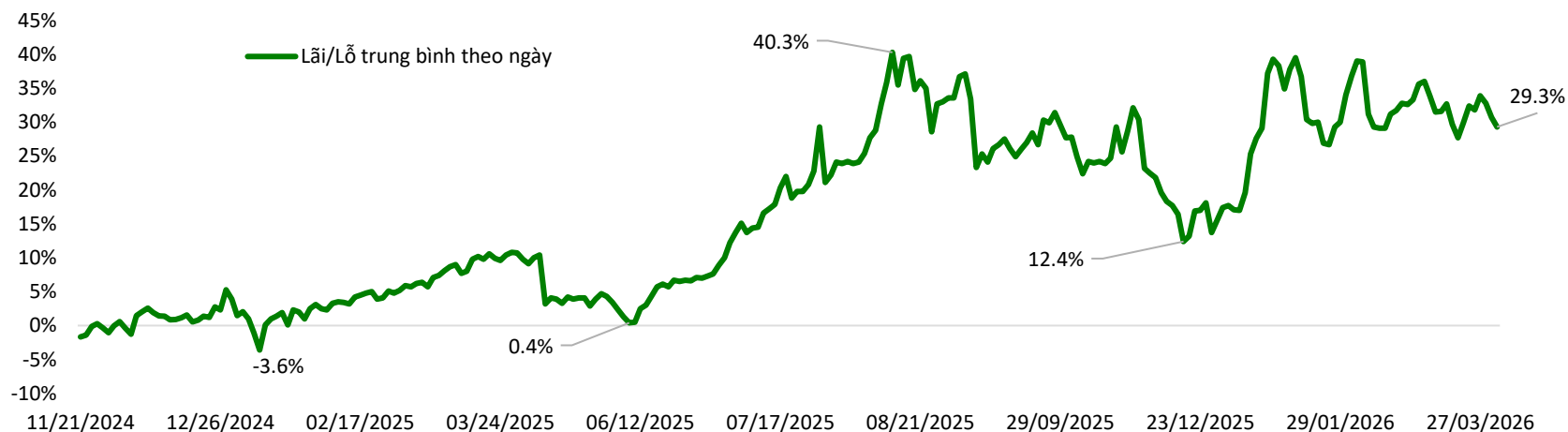


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, áp lực chốt lãi xuất hiện trên diện rộng tại nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ, Tiêu dùng, Hóa chất, Vật liệu và Xây dựng, nhưng mức độ chưa cao. Trong khi đó, nhóm Hàng không, Viễn thông và Công nghiệp vẫn giữ trạng thái tích cực hơn nhờ ít chịu tác động từ lực bán giá cao và tiếp tục được hỗ trợ bởi hoạt động mua mới.
- Diễn biến cung cầu cho thấy nhịp tăng hiện tại trên VN-Index đang tạo điều kiện cho hoạt động chốt lãi ngắn hạn, khiến trạng thái hồi phục chưa đủ ổn định. Chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục rung lắc trong thời gian tới, với vùng hỗ trợ gần tại 1.675–1.680 điểm.
- Khuyến nghị tận dụng các nhịp rung lắc, điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.675–1.680 điểm để cân nhắc mở mới các vị thế ngắn hạn với tỷ trọng thăm dò, ưu tiên nhóm Ngân hàng, Bán lẻ và Tiêu dùng.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
BVH	24/03/2026		Đang mở	83,800	75,400	11.1%	71,000	82,500	80,000	92,000
REE	26/03/2026		Đang mở	67,400	70,900	-4.9%	65,800	79,000		
PC1	26/03/2026		Đang mở	27,500	28,100	-2.1%	26,000	31,500		
CTD	26/03/2026		Đang mở	84,200	83,600	0.7%	80,400	92,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	141,000	4.44%	9.56%	1,086,550	10.086	1,468	7.4	96.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	110,200	6.99%	5.76%	452,637	6.608	10,200	1.9	10.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	59,000	1.55%	1.03%	492,985	1.595	4,210	2.2	14.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	166,900	6.99%	9.08%	98,740	1.441	3,728	4.0	44.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	26,300	-4.88%	-4.36%	131,692	-1.343	1,041	2.2	25.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
BID	40,250	2.16%	1.90%	293,023	1.320	4,267	1.7	9.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GAS	80,000	2.17%	-3.03%	193,036	0.875	4,730	2.9	16.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	207,000	4.81%	27.46%	75,762	0.761	8,918	9.4	23.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HVN	22,400	5.16%	1.59%	69,698	0.752	2,908	11.8	7.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GVR	32,500	2.52%	6.56%	130,000	0.685	1,330	2.3	24.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCK	35,000	3.70%	-1.41%	85,222	0.659	1,613	3.0	21.7	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
SSI	27,900	3.53%	3.91%	69,502	0.512	1,972	2.2	14.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	76,900	1.85%	5.05%	111,191	0.431	2,710	3.2	28.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	27,150	0.93%	3.04%	208,389	0.404	2,013	1.6	13.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VNM	61,300	1.32%	-1.29%	128,114	0.354	4,503	4.2	13.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	82,800	1.10%	-2.59%	74,502	0.357	17,930	4.3	4.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	17,500	4.79%	9.38%	15,741	0.329	1,500	1.3	11.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	16,900	-2.31%	1.20%	18,054	-0.182	514	1.7	32.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	40,200	-1.71%	-4.74%	20,559	-0.154	3,616	1.4	11.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	163,500	-0.97%	13.78%	32,700	-0.138	9,851	6.4	16.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
MBS	24,500	1.66%	3.81%	16,349	0.118	1,882	2.0	13.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TNG	24,100	-8.71%	-0.82%	3,102	-0.118	3,172	1.6	7.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHC	167,000	9.44%	10.74%	2,743	0.113	3,003	4.1	55.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNP	19,100	-9.05%	-3.05%	2,692	-0.106	1,049	1.2	18.2	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	57,300	2.14%	2.32%	9,800	0.091	5,805	2.3	9.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	95,300	6.01%	9.16%	288,727	0.704	3,056	7.0	31.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
ACV	46,900	3.53%	3.99%	166,639	0.239	3,019	2.4	15.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	48,800	22.00%	31.89%	10,227	0.091	-369	6.8	-132.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MSR	49,800	-3.68%	0.20%	55,381	-0.083	10	4.6	4,901.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TIN	165,000	12.09%	28.91%	15,135	0.074	11,764	7.6	14.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VEF	104,900	9.27%	10.07%	17,176	0.065	92,449	2.6	1.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VGR	85,600	-13.10%	16.94%	7,142	-0.038	6,040	6.0	14.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VBB	11,400	7.55%	15.15%	11,941	0.037	1,457	1.0	7.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VUA	17,300	11.61%	4.85%	3,460	0.016	52	12.8	334.6	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
SEA	48,000	6.67%	8.60%	5,916	0.016	1,646	2.4	28.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

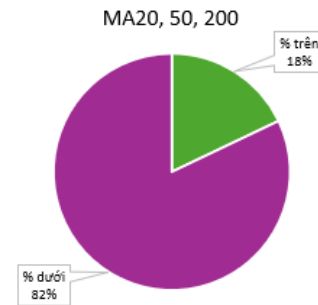
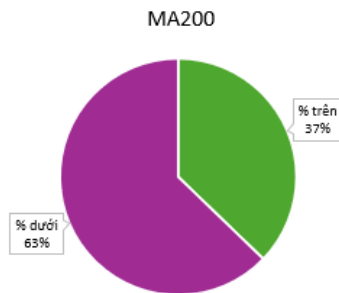
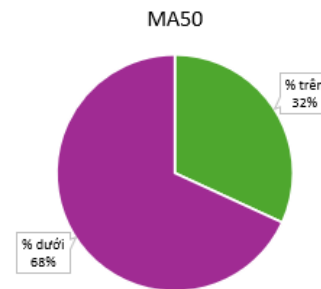
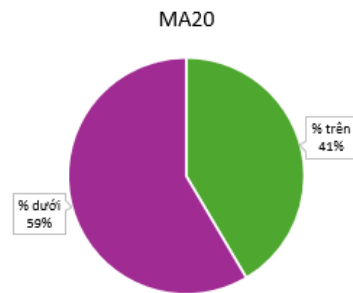
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TIN	165,000	12.1%	11.4	4.9	16,800	147,900	7.6	14.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PET	51,300	1.2%	54.1	90.2	16,453	50,700	2.3	21.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	59,900	6.8%	69.2	24.9	19,850	57,800	2.9	224.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GCF	18,300	-14.5%	9.1	2.6	19,518	34,800	1.3	17.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GCF	18,300	-14.5%	9.1	2.6	19,518	34,800	1.3	17.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TLG	48,650	0.3%	18.8	11.5	35,470	58,800	1.9	10.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ORS	13,900	5.7%	133.4	44.4	7,240	16,600	1.1	39.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VPL	83,900	0.6%	199.3	54.7	70,500	106,300	4.1	136.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SMC	12,700	1.6%	17.6	3.1	5,700	16,800	0.9	5.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	27,550	7.0%	277.1	156.4	17,500	43,400	1.3	9.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			01/04/2026	31/03/2026	30/03/2026	27/03/2026	26/03/2026	25/03/2026	24/03/2026	23/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	31%	30%	31%	31%	28%	29%	26%	24%
		Dưới	69%	70%	69%	69%	72%	71%	74%	76%
	MA50	Trên	28%	27%	26%	25%	23%	24%	19%	16%
		Dưới	72%	73%	74%	75%	77%	76%	81%	84%
	MA20	Trên	53%	44%	39%	39%	29%	28%	18%	14%
		Dưới	47%	56%	61%	61%	71%	72%	82%	86%
VN30	MA200	Trên	43%	37%	37%	40%	27%	30%	20%	23%
		Dưới	57%	63%	63%	60%	73%	70%	80%	77%
	MA50	Trên	23%	0%	0%	0%	0%	3%	0%	0%
		Dưới	77%	100%	100%	100%	100%	97%	100%	100%
	MA20	Trên	67%	50%	33%	27%	23%	20%	10%	7%
		Dưới	33%	50%	67%	73%	77%	80%	90%	93%
HNX	MA200	Trên	40%	42%	40%	38%	38%	38%	36%	36%
		Dưới	60%	58%	60%	62%	62%	62%	64%	64%
	MA50	Trên	36%	36%	35%	33%	31%	32%	27%	29%
		Dưới	64%	64%	65%	67%	69%	68%	73%	71%
	MA20	Trên	40%	42%	40%	38%	38%	38%	36%	36%
		Dưới	60%	58%	60%	62%	62%	62%	64%	64%
UPCOM	MA200	Trên	36%	34%	35%	33%	31%	31%	27%	25%
		Dưới	64%	66%	65%	67%	69%	69%	73%	75%
	MA50	Trên	33%	33%	33%	32%	31%	32%	29%	28%
		Dưới	67%	67%	67%	68%	69%	68%	71%	72%
	MA20	Trên	39%	39%	38%	37%	37%	38%	36%	37%
		Dưới	61%	61%	62%	63%	63%	62%	64%	63%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành		Tháng 4								Tháng 3											
		01	31	30	27	26	25	24	23	20	19	18	17	16	13	12	11	10	09	06	05
1	Y tế	69	67	69	66	65	66	65	64	65	66	62	63	60	60	73	74	-	-	-	-
2	Bảo hiểm	59	57	57	51	52	48	41	35	34	31	32	31	30	31	31	31	28	33	35	37
3	Điện, nước & xăng d...	58	59	61	66	67	65	61	62	64	63	62	62	63	64	62	58	54	62	75	80
4	Bán lẻ	57	54	53	53	50	45	40	39	43	44	44	44	48	50	51	43	39	43	52	56
5	Xây dựng và Vật liệu	54	52	50	49	47	42	37	38	42	39	40	42	45	41	37	36	34	38	44	44
6	Bất động sản	50	47	48	39	37	34	28	27	31	31	32	32	30	28	22	20	19	20	24	26
7	Ô tô và phụ tùng	49	50	50	46	44	39	34	33	33	37	40	43	43	42	40	39	36	37	42	44
8	Tài nguyên Cơ bản	48	50	50	46	46	45	45	48	50	51	49	50	51	55	54	54	48	46	48	51
9	Dầu khí	46	48	49	53	53	52	50	54	60	66	61	63	67	75	80	78	77	83	90	91
10	Hàng & Dịch vụ Côn...	45	43	41	44	43	39	36	39	44	47	46	45	47	52	53	50	50	56	62	63
11	Ngân hàng	41	37	35	32	32	31	26	28	33	36	37	35	34	35	35	36	31	35	37	40
12	Hàng cá nhân & Gia ...	41	43	44	45	43	41	39	43	48	51	53	52	52	58	59	58	49	56	63	68
13	Dịch vụ tài chính	39	34	34	34	32	28	27	29	30	33	36	36	36	39	42	43	42	51	59	55
14	Hóa chất	38	38	40	43	39	37	37	42	48	54	52	55	60	67	66	63	60	64	69	72
15	Thực phẩm và đồ uống...	38	38	37	34	33	31	30	30	34	36	38	38	38	38	37	35	31	33	38	41
16	Du lịch và Giải trí	38	34	33	31	25	20	18	19	21	21	20	21	25	25	25	23	22	24	27	31
17	Công nghệ Thông tin	15	14	16	13	13	12	10	10	11	11	12	12	10	10	11	11	10	10	13	13

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	110,200	7.0%	5.8%	452,637	1.9	10.8	10,200	223.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	27,150	0.9%	3.0%	208,389	1.6	13.5	2,013	859.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
GEE	207,000	4.8%	27.5%	75,762	9.4	23.2	8,918	429.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FOX	87,100	0.1%	10.8%	64,243	5.9	18.8	4,627	34.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	83,800	1.6%	-2.4%	62,207	2.5	21.9	3,821	32.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	14,700	-0.7%	5.8%	20,709	1.2	5.6	2,638	22.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	49,300	0.0%	5.3%	18,709	2.9	9.7	5,090	116.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TIN	165,000	12.1%	28.9%	15,135	7.6	14.1	11,764	11.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SIP	61,400	0.3%	8.1%	14,866	2.9	11.2	5,464	15.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCR	48,800	22.0%	31.9%	10,227	6.8	-132.1	-369	7.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ORS	13,900	5.7%	5.3%	8,673	1.1	39.5	352	133.4	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
TOS	172,900	1.2%	2.0%	7,748	3.7	7.6	22,710	8.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAN	31,850	0.5%	10.8%	6,653	1.3	9.9	3,220	42.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PET	51,300	1.2%	13.2%	5,475	2.3	21.2	2,419	54.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	59,900	6.8%	5.5%	4,375	2.9	224.2	267	69.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MIG	20,200	0.5%	3.3%	4,272	1.6	13.1	1,542	12.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	49,400	-0.5%	4.1%	3,022	4.2	23.1	2,135	34.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CRC	10,200	2.6%	-2.9%	1,088	1.3	13.4	763	26.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MST	8,700	-3.3%	4.8%	988	0.8	35.2	247	22.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAV	8,600	2.4%	21.1%	593	0.8	-25.7	-335	7.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GCF	18,300	-14.5%	-16.8%	845	1.3	17.4	1,123	9.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	29,250	-1.0%	-4.1%	54,844	1.6	12.7	2,298	50.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	50,500	0.6%	-7.7%	19,179	1.3	6.3	7,965	144.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	27,500	0.4%	0.4%	4,014	1.8	6.4	4,318	43.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
LAS	16,900	0.0%	-0.6%	1,907	1.3	11.6	1,455	8.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	49,200	0.8%	-0.8%	14,258	2.0	27.3	1,803	5.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	27,100	0.4%	1.3%	2,995	1.9	14.3	1,891	15.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	23,200	1.3%	0.4%	1,875	1.5	138.2	168	8.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VOS	12,800	1.6%	-0.4%	1,792	0.9	5.9	2,177	16.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TIG	7,000	-1.4%	-4.1%	1,355	0.7	19.3	363	12.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GAS	80,000	2.2%	-3.0%	193,036	2.9	16.9	4,730	150.8	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	144,000	0.0%	-2.4%	186,402	10.3	26.1	5,516	24.7	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	40,700	0.7%	-1.5%	51,713	2.0	19.3	2,106	175.1	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TDP	29,400	0.2%	-3.0%	2,755	2.5	27.1	1,085	13.3	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VGX	12,300	0.8%	1.7%	6,146	0.8	7.0	1,745	14.3	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	23,050	0.4%	2.4%	2,582	1.1	9.6	2,402	22.0	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DRC	13,500	0.0%	0.4%	2,085	1.1	17.6	767	5.7	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	10,150	1.5%	0.5%	1,947	0.9	24.1	422	9.0	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,000	1.5%	1.0%	492,985	2.2	14.0	4,210	485.8	Trung tính	-1.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	40,250	2.2%	1.9%	293,023	1.7	9.4	4,267	403.6	Trung tính	-1.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,310	-1.62%	14.76%	13,600	83.0%	581	0.7	12.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	50,500	0.60%	-7.68%	91,200	81.7%	7,965	1.3	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	14,050	0.00%	-5.70%	25,500	81.5%	357	1.1	39.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,500	1.92%	2.51%	43,700	68.1%	936	1.6	28.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	14,450	-0.69%	2.12%	24,000	64.9%	231	1.1	62.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	29,850	2.93%	1.88%	45,800	57.9%	1,805	1.1	16.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	75,300	0.80%	-2.21%	116,600	56.1%	5,515	3.5	13.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	27,900	3.53%	3.91%	40,800	51.4%	1,972	2.2	14.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	37,050	0.14%	4.07%	54,000	45.9%	1,638	1.9	22.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SZC	29,150	0.00%	2.28%	42,400	45.5%	1,916	1.6	15.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ACV	46,900	3.53%	3.99%	64,600	42.6%	3,019	2.4	15.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,800	0.37%	1.90%	38,000	42.3%	3,024	1.3	8.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	40,200	-1.71%	-4.74%	58,100	42.1%	3,616	1.4	11.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	14,150	0.00%	2.54%	20,000	41.3%	884	0.7	16.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PVT	21,750	-0.23%	0.23%	30,800	41.3%	2,208	1.2	9.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	23,200	1.31%	0.43%	31,900	39.3%	168	1.5	138.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	46,700	-0.43%	2.64%	64,100	36.7%	3,130	2.4	14.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	43,050	0.12%	0.12%	58,700	36.5%	4,506	1.6	9.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
BMI	17,200	1.18%	1.18%	23,100	35.9%	1,726	0.9	10.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	23,800	1.06%	0.00%	32,000	35.9%	3,042	1.3	7.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn